Chi tiết mã HS 9020.00.10

Mã HS	9020.00.10
Mô tả hàng hóa	Thiết bị thở và mặt nạ phòng khí khác, trừ các mặt nạ bảo hộ mà không có bộ phận cơ khí hoặc không có phin lọc có thể thay thế được / - Mặt nạ khuôn mặt (full face) chống hóa học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân (CBRN)
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	11/11/2026 06:44:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90200010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18107
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18107
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18107
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17423
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17352
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17352
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17352
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17352
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17352
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17352
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17408
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17408

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17408
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17408
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17408
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17408
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17409
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17409
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17409
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17409
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17409
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17409
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17414
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17370
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17366
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17366
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17366
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17366
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17366
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17366
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17412
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17412
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17412
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17412
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17412
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17412
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17474
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17474

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17474
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17474
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17474
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17474
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17450
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17450
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17450
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17450
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17450
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17450
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17445
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17445
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17445
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17445
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17445
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17445
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17475
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17475
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17475
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17475
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17475
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17475
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17474
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17474
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17474
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17474

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17474
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17474
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17568
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17568
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17568
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17568
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17568
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17568
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17568
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17437
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17437
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17437
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17437
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17437
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17437
RCEP B	2022	2022	0	B!D17437
RCEP B	2023	2023	0	B!E17437
RCEP B	2024	2024	0	B!F17437
RCEP B	2025	2025	0	B!G17437
RCEP B	2026	2026	0	B!H17437
RCEP B	2027	2027	0	B!I17437
RCEP C	2022	2022	0	C!D17435
RCEP C	2023	2023	0	C!E17435
RCEP C	2024	2024	0	C!F17435
RCEP C	2025	2025	0	C!G17435
RCEP C	2026	2026	0	C!H17435

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17435
RCEP D	2022	2022	0	D!D17434
RCEP D	2023	2023	0	D!E17434
RCEP D	2024	2024	0	D!F17434
RCEP D	2025	2025	0	D!G17434
RCEP D	2026	2026	0	D!H17434
RCEP D	2027	2027	0	D!I17434
RCEP E	2022	2022	0	E!D17438
RCEP E	2023	2023	0	E!E17438
RCEP E	2024	2024	0	E!F17438
RCEP E	2025	2025	0	E!G17438
RCEP E	2026	2026	0	E!H17438
RCEP E	2027	2027	0	E!I17438
RCEP F	2022	2022	0	F!D17437
RCEP F	2023	2023	0	F!E17437
RCEP F	2024	2024	0	F!F17437
RCEP F	2025	2025	0	F!G17437
RCEP F	2026	2026	0	F!H17437
RCEP F	2027	2027	0	F!I17437
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16349
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16349
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16349
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16349

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM SPHH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)		9981/QĐ-BCA	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH có khả năng gây mất an toàn (6266/QĐ-BCA 2023)		6266/QĐ-BCA	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SP HH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)*		9981/QĐ-BCA	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)*		01/2021/TT-BLĐTBXH	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9020.00 có 2 dòng thuế; dòng 9020.00.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Mặt nạ khuôn mặt (full face) chống hóa học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân (CBRN).	9020.00.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9020.00.10 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9020.00.10	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9020.00.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9020.00.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18107), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)
DM SPHH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)
SPHH có khả năng gây mất an toàn (6266/QĐ-BCA 2023)
SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)*
SP HH nhóm 2 (9981/QĐ-BCA 2019)*

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.